

KHÔNG GIAN NHÀ Ở CỦA PHỤ NỮ TRONG TRIẾT HỌC NỮ QUYỀN CỦA LUCE IRIGARAY – GÓC NHÌN THAM CHIẾU CHO SỰ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG THIẾT KẾ VÀ THỰC HÀNH KIẾN TRÚC

TRẦN THỊ THẢO*
NGUYỄN VĂN HOAN**

Luce Irigaray có nhiều nghiên cứu về tầm quan trọng thể hiện trong mối quan hệ của các không gian sống giữa phụ nữ với nam giới trong văn hóa phương Tây. Tư tưởng của Luce Irigaray có vai trò như một cơ sở lý thuyết có giá trị khi xem xét các đặc tính biểu hiện khác nhau về giới của công trình kiến trúc cũng như môi trường xây dựng. Bài viết làm rõ quan điểm của Luce Irigaray về không gian nữ quyền trong nhà ở, đồng thời tham chiếu chúng vào việc hình thành lý thuyết thiết kế cũng như xây dựng các nguyên tắc thực hành kiến trúc, hướng tới sự bình đẳng giới.

Từ khóa: triết học nữ quyền, Luce Irigaray, không gian nữ quyền, kiến trúc

Nhận bài ngày: 01/4/2022; đưa vào biên tập: 05/4/2022; phản biện: 22/4/2022; duyệt đăng: 10/5/2022

1. DẪN NHẬP

Nữ quyền trong kiến trúc là đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà tư tưởng, đồng thời khía cạnh này cũng đặt ra những xu hướng thiết kế và thực hành mới cho nền kiến trúc đương đại. Với tư cách một nhà tư tưởng nữ quyền,

Luce Irigaray⁽¹⁾ ủng hộ mạnh mẽ quyền được thụ hưởng một không gian sống phù hợp với giới tính phụ nữ.

Tư tưởng của Irigaray ảnh hưởng mạnh mẽ đến các nhà lý thuyết nghiên cứu nữ quyền trong kiến trúc. Triết lý về kiến trúc của Irigaray tập trung vào tầm quan trọng trong cách bố cục, tổ chức và giới tính hóa các

*, ** Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

không gian ở đặc thù dành cho phụ nữ.

Nhiều ấn phẩm bàn về kiến trúc theo chủ nghĩa nữ quyền; nhiều cuộc tranh luận với chủ đề đa dạng về xã hội, nghề nghiệp, chính trị, văn hóa và thẩm mỹ trong thiết kế và thực hành kiến trúc đều tham chiếu những tư tưởng về nữ quyền trong không gian kiến trúc của Irigaray như *Tình dục và không gian* (Sexuality and space) (1996) do Beatriz Colomina chủ biên; *Kiến trúc và nữ quyền* (Architecture and Feminism) (1997) của Debra Coleman; *Ham muốn trải nghiệm: Kiến trúc, giới và liên ngành* (Desiring practices: Architecture, gender, and the interdisciplinary) (1996) của Katerina Rüedi, Sarah Wigglesworth, Duncan McCorquodale; *Giới, không gian, kiến trúc: Giới thiệu liên ngành* (Gender space architecture: An interdisciplinary introduction) (2000) do Borden, Barbara Penner, Jane Rendell chủ biên; *Đàm phán về sự thuần phục: Các sản phẩm không gian của giới trong kiến trúc hiện đại* (Negotiating domesticity spatial productions of gender in modern architecture) (2005) do Hilde Heynen, Gülsüm Baydar chủ biên; *Sự khác biệt về giới tính, sự từ bỏ và không gian giới hạn: Một cách tiếp cận phân tâm học đối với sự ghê tởm của phụ nữ* (Sexual difference, abjection and liminal spaces: A psychoanalytic approach to the abhorrence of the feminine) (2020) của Bethany Morris...

2. CHỦ NGHĨA NỮ QUYỀN TRONG KIẾN TRÚC VÀ QUAN NIỆM CỦA LUCE IRIGARAY VỀ NƠI CƯ TRÚ

Charles Fourier đưa ra thuật ngữ “nữ quyền” vào năm 1837. Thời điểm đó, nhận thức của xã hội về sự phân biệt giới tính giữa nam và nữ đã ảnh hưởng đến quyền hưởng thụ không gian ở, nơi người phụ nữ không hoàn toàn được tự do, không có quyền lực và các quyền khác như đối với nam giới.

Quan niệm kiến trúc nữ quyền nổi lên như một phong trào bác bỏ sự thống trị của đàn ông trong kỷ nguyên kiến trúc hậu hiện đại bắt đầu từ những năm 50 của thế kỷ XX. Trước đó, nam giới hầu như đóng vai trò quan trọng và độc tôn trong lĩnh vực kiến trúc. Điều này khiến các kiến trúc sư nữ yêu cầu được đối xử bình đẳng, không bị hạ thấp giá trị trong việc tham gia hoạt động và phát triển kiến trúc thông qua phong trào nữ quyền. Bên cạnh đó, sự thức tỉnh về khác biệt giới tính của xã hội đã thúc đẩy yêu cầu đòi hỏi phải được đáp ứng các yếu tố sử dụng đặc thù này trong kiến trúc cũng như trong môi trường sống của phụ nữ.

Trong tác phẩm *Cuộc cách mạng nội tộc vĩ đại: Lịch sử các thiết kế nữ quyền cho những ngôi nhà, khu dân cư và thành phố ở Mỹ*, Dolores Hayden (1981: 3) lý giải rằng sự “phá bỏ rào cản truyền thống về quyền của người phụ nữ” đã xác định lại công việc nội trợ và yêu cầu đối với nhà ở của người phụ nữ trong mối

tương quan với gia đình. Điều này thúc đẩy các kiến trúc sư và nhà quy hoạch đô thị tiến bộ xem xét lại những ảnh hưởng của việc thiết kế không gian sống đối với cuộc sống gia đình nói chung và người phụ nữ nói riêng.

Quan điểm này của Hayden đã được minh chứng rõ nét trong một loạt các tác phẩm kiến trúc đương đại như ngôi nhà của Truus Schröder⁽²⁾, công trình E-1027⁽³⁾ của Eileen Grey hay Villa Stein de-Monzie⁽⁴⁾ của Le Corbusier. Đặc biệt, Rietveld Schröder House là một ví dụ về tầm ảnh hưởng của cuộc sống gia đình hiện đại tới xu hướng kiến trúc mới. E-1027 của Eileen Grey cũng là một điển hình về lý thuyết nữ quyền được áp dụng vào trong thiết kế kiến trúc. Grey đã thiết kế một dạng kiến trúc trong đó đáp ứng nhu cầu sử dụng cá biệt của từng thành viên cư ngụ cũng như đặc thù của gia đình kiểu mới. Khía cạnh thể hiện mối quan hệ giới tính và cách thức biểu hiện giữa người nam và người nữ được đặt ra theo một hướng mới trong thiết kế của Villa Stein de Monzie. Kiến trúc ngôi nhà này có tầm quan trọng đặc biệt trong lý thuyết nữ quyền vì nó đặt vấn đề về mối quan hệ giữa các nhóm thành viên trong gia tộc thông qua các mối quan hệ giới tính điển hình, xoay quanh các nhóm quan hệ vợ - chồng, mẹ - con.

Sự “bùng nổ” về quan điểm nữ quyền trong lĩnh vực kiến trúc đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả nghiên

cứu. J. Rothschild và V. Rosner trong bài *Thiết kế và nữ quyền: Tái hiện không gian, địa điểm và mọi thứ hàng ngày* đã sắp xếp các nghiên cứu về nữ quyền trong kiến trúc theo ba hướng:

Hướng thứ nhất tìm hiểu về “Phụ nữ trong ngành kiến trúc”, đề cập đến việc “bỏ quên” người phụ nữ trong các hoạt động kiến trúc. Hướng thứ hai nghiên cứu việc “Tổ chức không gian”, khám phá cách thức người phụ nữ sử dụng và trải nghiệm các không gian đặc thù dành cho họ. Hướng thứ ba nghiên cứu “Lý thuyết về kiến trúc và giới tính”, các nhà lý thuyết theo hướng này đã “thách thức” bối cảnh và các điều kiện xã hội nhằm tạo nên nhiều sự khác biệt quan trọng trong quan điểm thiết kế kiến trúc (Rothschild, 1999: 6-33).

Trong kiến trúc hiện nay, nữ quyền không phải là một nguyên tắc, một khái niệm hay lý thuyết dựa trên một công thức duy nhất, mà chính là sự nhận thức về bất bình đẳng xã hội đối với vị trí của người phụ nữ. Theo Afied Dien Haqsaleh và Ashadi (2021: 12-25), khái niệm kiến trúc nữ quyền được thể hiện trên những phương diện sau:

Ngôn ngữ thiết kế công trình sử dụng nhiều đường nét gắn liền với hình ảnh và cuộc sống nữ giới như: hình dạng của tòa nhà tái hiện đường cong cơ thể; ý tưởng xây dựng bắt nguồn từ câu chuyện về nhân vật hoặc hoạt động liên quan đến phụ nữ; tổ chức không gian dành riêng cho nữ giới,

hoặc tính đến việc phân chia ranh giới giữa các không gian dành cho nam và nữ; sử dụng màu sắc đặc trưng trong không gian kiến trúc hoặc nội thất của căn phòng theo sở thích của phụ nữ như hồng tím nhạt, nâu nhạt, vàng nhạt và vàng.

Lĩnh vực kiến trúc suy cho cùng là một dạng “không gian chính trị” của tư tưởng nữ quyền, ở đó diễn ra cuộc đấu tranh kéo dài gần hai thế kỷ hướng đến việc chấm dứt truyền thống loại bỏ người phụ nữ ra khỏi một lĩnh vực vốn là bản năng sinh tồn của các loài: bản năng cư trú.

Luce Irigaray khởi đầu thể hiện quan điểm của mình về nơi cư trú bằng việc tranh luận với Heidegger. Heidegger (2001: 147) lập luận rằng con người ở trong thế giới mà phương thức của chốn ở là một vấn đề tất yếu đối với sự tồn tại của bản thể: đó là cách mà anh ta là, hay cách mà anh ta thể hiện. Thật vậy “cư trú theo nghĩa là hành vi ở một cách tự nhiên của loài người trên trái đất”. Irigaray cho rằng, nếu sự tồn tại và nơi ở của loài người là giống nhau nhưng từng cá thể lại có những mối quan hệ khác nhau và ham muốn giới tính khác nhau thì liệu chúng ta có thể định dạng lại ý nghĩa của việc sống không?

Con người đối với Heidegger là một hữu thể tồn tại trong tình cảnh siêu việt, vươn vượt ra ngoài “cái tôi đang hiện có”, nên con người luôn khao khát về một nơi cư ngụ hoàn hảo. Heidegger (1995: 91) viết: “... viễn cảnh tự do hàng ngày của chúng ta

không bị ảnh hưởng bởi tâm lý và các lý thuyết khác về ý thức, cũng như về dòng trải nghiệm sống”.

Với Heidegger, kiến trúc nhà ở chính là đáp ứng nhu cầu cư trú, đảm bảo ý nghĩa của hành vi ở. Còn theo Irigaray (1996: 11), nhà ở phải được xem xét trên khía cạnh chung sống, cùng sinh tồn trong sự khác biệt giữa các cá thể khác nhau, ví dụ như xét đến yếu tố đạo đức trong tình yêu đôi lứa thể hiện ở không gian sống. Con người không cần phải “mổ xẻ chính bản thân mình” để đi tìm ý nghĩa của cuộc sống cá nhân, mà màu sắc cuộc sống được thể hiện ở ngay chính bên trong sự “sống với người khác”; mà ở đó mỗi cá nhân - với giới tính khác nhau - sẽ tìm được cách để tạo dựng hạnh phúc và thiết lập sự chung thủy với người mà mình muốn. Nhà, như Irigaray (1996: 11) viết: “... phản ánh giới tính mà đó là nơi thích hợp để tỏ lòng chung thủy”.

Như vậy, nhà là nơi mà con người thiết lập mối quan hệ gia đình, chia sẻ sự quan tâm cũng như xây dựng tình yêu. Irigaray (2002: viii) khẳng định: “Nơi cư ngụ cơ bản của mối quan hệ giữa hai cá thể con người phải được vun đắp để loài người tồn tại như vậy”; và “... để chuẩn bị một nơi sống gần nhau, cùng với người khác trong chính chúng ta và giữa chúng ta” (2002: ix).

Tóm lại, đối với Irigaray, nhà ở là không gian kết nối con người với con người, là nơi ẩn náu và là nơi thể hiện sự quan tâm đến một nửa kia trong

quá trình “trở thành” của nhau. Và do đó, nó làm cho mọi sự tồn tại trở nên có ý nghĩa trong hiện tại và thậm chí nhiều hơn nữa trong tương lai. Đó đơn giản có thể là nơi sắp xếp một cuộc gặp gỡ giữa người này và người kia - điều chưa xảy ra, hoặc là phương tiện để chào đón, kỷ niệm, vun đắp mối quan hệ này trong hiện tại và tương lai.

3. QUAN NIỆM CỦA LUCE IRIGARAY VỀ KHÔNG GIAN NHÀ Ở NỮ QUYỀN

3.1. Sự khác biệt giới tính và không gian kiến trúc

Lý thuyết của Irigaray nghiên cứu sự khác biệt giới tính được phát triển dựa trên nền tảng triết học và các lý thuyết phân tâm học về tính chủ quan. Tính chủ quan được Irigaray xem xét trên hai bình diện:

Thứ nhất, tính chủ quan là thể chất hoặc giới tính sinh học (tức là đối tượng nữ hoặc nam). Về khía cạnh này Irigaray (1996: 11) viết: Sự tự nhiên, ngoài sự đa dạng về hình hài hoặc cách xuất hiện của nó, ít nhất còn có hai dạng giới tính nam và nữ. Sự phân chia này không phải là thứ yếu cũng không phải là duy nhất đối với loài người. Nó tồn tại ở tất cả các giống loài của sự sống mà nếu không có nó, sẽ không tồn tại. Nếu không có sự khác biệt về giới tính, sẽ không có sự sống trên trái đất. Nó là biểu hiện và là điều kiện để sản xuất và tái sản xuất ra sự sống. Sự khác biệt về sắc thái và giới tính có thể là hai khía cạnh quan trọng nhất đối với sự sống.

Irigaray dựa trên nền tảng hiện tượng học để truy tìm sự khác biệt của giới tính, bà quay lại với bản thể đầu tiên của sự sống con người đó là sắc thái.

Không có sự sống hay mối quan hệ nào mà không có tính độc lập và không có tính độc lập nào mà không có sắc thái riêng biệt. Không phải ngẫu nhiên mà trong văn hóa phương Đông, những người khôn ngoan tu dưỡng hơi thở cho đến khi họ đạt được sự ‘trường sinh’ [...] Bỏ qua khía cạnh sắc thái có nghĩa là quên đi yếu tố tạo nên sự riêng biệt và mối quan hệ có thể có (Irigaray, 2000: 137).

Bỏ qua yếu tố sắc thái, đối với Irigaray, có nghĩa là không xét đến sự khác biệt giới tính cũng như sự cá biệt giữa hai chủ thể độc lập. Irigaray xem hơi thở chính là nguồn gốc của hiện hữu, là nơi bản thể hiện hữu giữa hai giới nam và nữ. Tiếp tục quan điểm về tính chủ quan vật chất, Irigaray đã gắn sự khác biệt giới tính với sự linh hoạt của các yếu tố vật chất. Bà cho rằng chủ thể giới tính và không gian giới tính có mối quan hệ đặc biệt chặt chẽ với các khái niệm linh hoạt về vật chất. Ví dụ như bằng cách thúc đẩy sức mạnh biến đổi của phụ nữ trong quá trình sản xuất vật chất (đặc biệt là liên quan đến việc mang thai và sinh con), Irigaray gợi ý rằng những trải nghiệm về sử dụng không gian và mối quan hệ của bản thân với những người xung quanh cũng có thể được định hình lại bởi những ranh giới linh hoạt, dễ giao hòa, thay vì những không gian

hữu hạn rời rạc. Như vậy, Irigaray sử dụng mối liên hệ giữa phụ nữ và trạng thái không đồng nhất của vật chất để chứng tỏ rằng chủ thể giới tính có khả năng tạo ra những trải nghiệm không gian linh hoạt. Đây là một quan điểm có ý nghĩa đối với sự sáng tạo trong kiến trúc.

Peg Rawes (2007: 35) cho rằng nghiên cứu của Irigaray về các quá trình giao tiếp vật chất và không gian được giới tính hóa có thể liên hệ tới lịch sử kiến trúc, lý thuyết và các hoạt động thực hành “kiến trúc linh hoạt” trong thời gian gần đây; đồng thời có thể thúc đẩy các ý tưởng về việc tạo ra không gian động đáp ứng các mối quan hệ xã hội khác nhau trong thiết kế kiến trúc.

Bình diện thứ hai của tính chủ quan đó là cách một cá nhân thể hiện giới tính của mình (ví dụ nữ tính, nam tính, đồng tính nữ, đồng tính nam hoặc đối tượng chuyển đổi giới tính). Đối với Irigaray, sự khác biệt về giới tính là điều cơ bản của từng cũng như mọi khía cạnh cuộc sống của một người phụ nữ hay đàn ông. Nó làm nên sự khác biệt giữa hai giới tính về cách nghĩ, nói, nghe, viết, vẽ, thiết kế, mô hình, hành động, di chuyển, tình yêu, ham muốn, chơi và làm việc... Ngoài ra, nó quyết định văn hóa hình thành ngôn ngữ, kiến thức, lịch sử và huyền thoại. Theo Irigaray (1996: 47), sự khác biệt về giới tính có lẽ là vấn đề phổ biến nhất mà chúng ta có thể giải quyết. Thời đại của chúng ta phải đối mặt với nhiệm vụ phải giải quyết mâu

thuẫn này, bởi vì, trên toàn thế giới, chỉ có nam và nữ.

Do đó, tính chủ quan được phân biệt theo giới tính của một cá nhân là không thể thiếu trong quá trình hình thành và sử dụng không gian kiến trúc cũng như môi trường xây dựng. Ví dụ, nó thể hiện những ý tưởng về vật chất, không gian và thời gian; thể hiện thể chất và tâm lý trải nghiệm về kiến trúc cư trú trong các nền văn hóa. Sự khác biệt về giới tính rất quan trọng đối với các kiến trúc sư vì nó cho thấy cách mà đối tượng nam và nữ được hình thành, tồn tại và phát triển về mặt văn hóa hay sinh học.

3.2. Ham muốn tình dục và không gian kiến trúc

Trên cơ sở lý thuyết của phân tâm học, Irigaray đã phân tích sự khác biệt về chức năng và ham muốn tình dục giữa nam và nữ trên cơ sở khác biệt giới tính. Irigaray lập luận rằng biểu tượng xã hội của tình dục nam giới – đại diện là dương vật, chủ yếu mô tả các phương thức sinh hoạt và giao tiếp của nam giới theo cách thống trị. Trong *Tình dục này không phải là một* Irigaray (1985a: 26) viết: “Một dạng của hình thức, của cá nhân, của cơ quan sinh dục (nam), có tên riêng, vừa có thể tích hợp ... ghép lại, trong khi có thể phân tách và phân chia”.

Ngược lại, cấu trúc sinh học tình dục của phụ nữ đại diện cho một loại giới tính khác biệt. Irigaray (1985a: 26) cho rằng sinh học và sinh lý học cụ thể của một người phụ nữ không chỉ giới hạn ở một cơ quan sinh dục, phụ nữ

có thể thể hiện cảm xúc và mong muốn của mình qua nhiều nơi và nhiều tuyến, do đó có nhiều diện tiếp xúc, kích thích, kích hoạt và ham muốn.

Sự khác biệt về vật lý và sinh học biểu hiện những trải nghiệm văn hóa của nam giới và phụ nữ về không gian, đặc biệt là trong việc hình thành các không gian bên trong và bên ngoài. Irigaray cho rằng tính chủ thể của đàn ông có nguồn gốc một phần là do cơ quan sinh dục của họ phát triển từ cơ thể mà bên ngoài có thể nhìn thấy. Ngược lại, phụ nữ thể hiện giới tính bằng nội tâm bên trong “phức tạp” hơn xen lẫn mối quan hệ không gian bên ngoài. Vì cơ quan sinh dục của họ là khu vực hoạt động bao gồm bên trong và bên ngoài cơ thể.

Biểu tượng tình dục của nam bộc lộ như một bộ phận bên ngoài, qua đó anh ta có thể yêu chính mình bằng cách tự thỏa mãn, mặc dù điều này có những rủi ro riêng bao gồm các mối nguy hiểm, hụt hẫng hay cô lập. Yêu bản thân ở phía người phụ nữ lại là một trải nghiệm phức tạp hơn. Rõ ràng là phụ nữ luôn thỏa mãn lòng tự ái của con người. Nhưng cũng có một thực tế là con cái không có mối liên hệ với ngoại hình giống như con đực. Người phụ nữ được yêu/yêu bản thân thông qua những đứa con mà cô ấy sinh ra (Irigaray, 1993b: 26).

Giới tính sinh học là một khía cạnh quan trọng trong việc trải nghiệm của cơ thể về tính chủ quan và về giới tính. Irigaray sử dụng những điểm khác

biệt này để xây dựng quan điểm về mối quan hệ giữa tình dục và không gian. Yếu tố nam tính được xác định với không gian bên ngoài vì nó tập trung vào việc tạo ra các ý tưởng hoặc đối tượng độc lập ở không gian bên ngoài. Ngược lại, không gian nữ tính đồng thời tồn tại cả bên trong lẫn bên ngoài, bởi vì không có ranh giới xác định trải nghiệm tình dục của phụ nữ. Cho nên không gian kiến trúc dành cho phụ nữ thường có tính linh hoạt hơn. Ví dụ trong thiết kế kiến trúc, chuyên khảo *Phân biệt đối xử theo thiết kế: Phê bình nữ quyền đối với môi trường do con người tạo ra* của Kanes Weisman khi mô tả thiết kế ngôi nhà ở Santo Domingo (do Susana Torre thiết kế năm 1972-1973) đã khám phá những lợi ích xã hội của loại hình không gian linh hoạt trong nhà. Weisman (1992: 153) cho rằng: “Các mối quan hệ trong một “gia đình tự nguyện” của những người trưởng thành độc thân không quan hệ cùng giới hoặc khác giới thường rất khác so với các mối quan hệ của các cặp đã kết hôn. Việc tổ chức và sử dụng không gian trong nhà ở tương ứng của mỗi hộ gia đình cần thể hiện những khác biệt đó. Ngôi nhà của chúng ta phải trở thành nơi mà cư dân có thể chia sẻ trách nhiệm và nơi mà công việc nội trợ không còn là hiển nhiên và hèn mọn nữa mà đã trở thành một phần gắn kết hiển nhiên trong cuộc sống hàng ngày của mỗi người”.

Theo Elizabeth Grosz (1995: 120) Irigaray: “... hướng tới việc thiết lập

một không gian và thời gian khả thi phù hợp với thói quen của phụ nữ. Các cách thức mà không gian được tạo dựng trong lịch sử hoặc là bao trùm người phụ nữ hoặc là lãng quên họ. Bà khẳng định rằng việc tái nhận thức các mối quan hệ trực tiếp - giữa nam và nữ - là cần thiết để tự đại diện cho phụ nữ và tính nữ tính - đòi hỏi sự tái nhận thức về các đặc trưng của không gian và thời gian”.

Cùng quan điểm phải có sự khác nhau trong việc thiết lập không gian cho các giới tính như Irigaray, nhưng Grosz nhấn mạnh cần thực hiện một số thay đổi lớn, mà đặc biệt là trong đáp ứng tổ chức đời sống cá nhân như: quan hệ mẹ - con gái; cách thức cấu trúc tính chủ quan và tính dục của phụ nữ theo những đặc quyền của chủ thể và tính dục; cách hai giới liên hệ và trao đổi với nhau; cách phụ nữ giao tiếp với những yếu tố tự nhiên siêu việt hơn họ (thần thánh, môi trường, thiên nhiên) được hình thành; và theo những cách mà lý thuyết, thực hành sản xuất văn hóa nói chung, được coi trọng. Grosz khẳng định nhóm chủ đề móc xích với nhau này không thể dễ dàng được gỡ rối, được giải quyết và đặc biệt nhấn mạnh đây là những hướng đi mà các nhà nữ quyền phải xoay chuyển hơn là tìm cách triệt tiêu hoặc loại bỏ.

Ngoài ra, Irigaray cũng khám phá thấy một dạng ham muốn và khoái cảm tình dục đặc biệt dành cho nữ giới được gọi là *jouissance* (lạc thú) tạo ra sức mạnh không thể điều khiển được.

Những cuộc trao đổi về chủ đề này được đề cập đến trong các ấn phẩm như *Giới tính này không phải là một* và *Đạo đức của khác biệt giới tính*. Irigaray khẳng định rằng ham muốn của phụ nữ là số nhiều và không bị ấn định ở một điểm xuất phát nào đó, “Nhưng người phụ nữ đều ít nhiều có cơ quan sinh dục ở khắp mọi nơi” (Irigaray, 1985a: 28). Do đó, phụ nữ có thể cảm nhận được lạc thú hầu như ở bất cứ vị trí nào trên cơ thể. Ngay cả khi chúng ta kiềm chế không kích thích tạo ra ham muốn cuồng loạn của toàn bộ cơ thể phụ nữ, thì khu vực thu nhận được khoái cảm của cô ấy cũng rất đa dạng, gồm nhiều điểm khác biệt, phức tạp, tinh tế. Đặc biệt, trong bài *Khi đôi môi chúng ta cùng nói*, Irigaray (1980: 73) khám phá không gian tạo ham muốn được thể hiện ngay cả trong lời nói của phụ nữ và trong hành động hôn tình dục.

Không gian khơi gợi ham muốn tình dục của phụ nữ theo Irigaray là rất linh hoạt, hòa quyện và không có sự tách bạch ngăn chia rõ ràng. Không gian càng hòa quyện, hưng phấn của phụ nữ càng thăng hoa. Lý thuyết của Irigaray về ham muốn tình dục đã mở ra sự sáng tạo trong kiến trúc hướng tới giá trị của không gian năng động.

3.3. Ngôn ngữ và không gian kiến trúc

“Đối với Irigaray, ngôn ngữ là một dạng không gian ‘kiến trúc’ khác thể hiện hoặc kìm nén sự thay đổi trong ham muốn và nhu cầu của đối tượng tình dục” (Rawes, 2007: 90).

Irigaray hướng chú ý đến vị trí của nữ giới trong không gian kiến trúc thông qua ngôn ngữ bằng cách minh họa không gian diễn ra các cuộc đối thoại trong triết học của Plato. Các cuộc đối thoại được diễn ngôn trong triết học Plato dù được biểu thị bằng nhiều người cùng tham gia nhưng Irigaray chỉ ra rằng cuộc đối thoại của Plato miêu tả trên vách trong hang động chỉ cho phép một số giọng nói và ý tưởng (nam) nhất định được thể hiện, trong khi các giọng nói (nữ) khác không thể nghe thấy hoặc sức mạnh của họ bị suy yếu đến mức đóng góp của họ bị bỏ qua (Rawes, 2007: 36).

Vì nếu mọi người nói chuyện và nói chuyện cùng một lúc, tiếng ồn xung quanh sẽ gây khó khăn hoặc thậm chí có thể xảy ra quá trình lặp âm được gọi là tiếng vọng xảy ra [...] Và hơn nữa, tiếng vọng - mà trong thuyết thần thoại có liên quan đến một người phụ nữ chết trinh vì tình yêu của Narcissus - sẽ bị cản trở bởi những lời nguyện (Irigaray, 1985b: 256-257).

Do đó, đối với Irigaray, đối thoại truyền thống thuần túy giữa các chủ thể không thực sự tạo nên một không gian thực. Ở đó trải nghiệm khác nhau của các chủ thể không được thực hiện, bởi lẽ cấu trúc của nó vẫn mang tính đại diện cho chủ thể nói nam chứ không phải bởi giới tính của chủ thể nói. Irigaray xác định một số vấn đề về ngôn ngữ định hình cách sống: nam giới có nhiều khả năng đảm nhận vị trí chủ thể trong ngôn ngữ, tự chỉ định mình là chủ thể trong đàm thoại hoặc

hành động trong khi phụ nữ lại thường bị lu mờ trước đàn ông và thế giới xung quanh; việc sử dụng đại từ nhân xưng cá nhân “Tôi” không thể hiện bản sắc nữ tính; phụ nữ thường trở thành phương tiện thể hiện bản thân của nam giới trong khi sự tự thể hiện bằng ngôn ngữ của họ ít nhiều bị hạn chế; đặc quyền của nam giới là quan hệ với cả thế giới lẫn từng đối tượng trong khi đó phụ nữ có đặc quyền quan hệ giữa các cá nhân; phụ nữ kiểm soát cảm xúc tốt hơn nam giới khi nói, diễn ngôn của phụ nữ thường “che đậy” tính chủ quan của họ; phụ nữ không thể diễn đạt ngắn gọn hơn nam giới và có nhiều tác động bởi bối cảnh hơn, có khả năng cộng tác với nhà nghiên cứu và thực hiện nghiên cứu một cách nghiêm túc. Irigaray yêu cầu phụ nữ phải có quyền được tự mình xác định bản thân và giới tính có giá trị tương đương với nam giới, nhưng ngay cả trong ngôn ngữ cũng chưa đáp ứng được yêu cầu đó. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến “tiếng nói” của phụ nữ trong việc tạo ra không gian ở: “Ngôi nhà có thể được tạo nên từ ngôn ngữ và cách xây dựng hàm chứa trong nó cả thi thơ. Xây dựng không thôi chưa đủ trọn vẹn để ở” (Irigaray, 2002: 144).

Irigaray kết luận: Thế giới của đàn ông tập trung hơn vào đối tượng chủ thể mà thiếu sự chú trọng đến các yếu tố liên quan, đặc biệt là về sự khác biệt giới tính; thế giới của phụ nữ, mối quan hệ được đặt trên hết, nơi mà thế giới dành đặc quyền cho mỗi quan hệ

giữa hai người mà đặc biệt là sự khác biệt về mặt giới tính. Vì vậy, không gian sống của phụ nữ là một không gian linh động, vừa mở, vừa kín, nhưng không dễ xâm phạm để thích hợp với sự quan tâm của phụ nữ dành cho các mối quan hệ trong gia đình.

4. SỰ PHÊ PHÁN CỦA IRIGARAY VÀ MỘT QUAN ĐIỂM MỚI VỀ KHÔNG GIAN NỮ QUYỀN KIẾN TRÚC

Xuất phát từ sự khác biệt giữa hai giới tính, Irigaray đánh giá lại mối quan hệ giữa hai giới này đồng thời yêu cầu các giá trị văn hóa phải được công nhận để có thể xét đến sự tồn tại song song của cả hai chủ thể khác biệt. Tuy nhiên, theo bà, văn hóa truyền thống phương Tây, đặc biệt là dưới quan điểm triết học, phân tâm học và kiến trúc, tổ chức các cấu trúc vật chất và xã hội đều thông qua các hệ thống phân cấp và đồng nhất (không thay đổi). Trong nền văn hóa ấy các cá nhân khác biệt, các hành động, thực hành, không gian, vật liệu và ý tưởng được kết hợp với nhau theo các quy luật về tính phổ quát đồng nhất. Theo đó những khác biệt cụ thể được bỏ qua để ưu tiên cho sự tương đồng. Điều đó có nghĩa là phụ nữ bị đồng nhất trong một nền văn hóa chỉ gồm một tập hợp các giá trị, buộc người phụ nữ bị loại ra khỏi bản chất về giới và không tôn trọng các giá trị của chính họ. Sự khác biệt về giới tính chưa bao giờ được văn hóa xét đến một cách thỏa đáng. Irigaray cho rằng điều này là xuất phát từ nền văn hóa

phụ hệ không thừa nhận đặc quyền của một giới tính trong các nền văn hóa (Irigaray, 2002: xiv - xvi).

Dưới sự cai trị của chế độ gia trưởng, thông thường người con gái bị tách khỏi mẹ và khỏi gia đình. Cô được bổ sung vào gia phả của nhà chồng; cô phải sống với người chồng, mang tên của anh ta, sinh con cho anh ta... Lần đầu tiên điều này xảy ra, được miêu tả như vụ bắt cóc... Và rồi một cuộc chiến nổ ra giữa những người đàn ông để giành lại người phụ nữ bị bắt cóc và đưa cô trở lại nguồn cội của mình (Irigaray, 1993a: 2).

Theo quan điểm này, không gian tồn tại dành cho người phụ nữ trong nền văn hóa phụ hệ gia trưởng là để phục tùng quyền gia trưởng vật chất và sinh sản con cái. Trong không gian văn hóa đó những khác biệt của mỗi cá nhân khó có thể được tôn trọng và vun đắp.

Đối với Irigaray, phải xem xét lại cách mà chúng ta có thể ứng xử như thế nào với người khác để tìm thấy một nơi thuộc về nhau, thuộc về con người đúng nghĩa. Đó cũng là nơi công nhận và nuôi dưỡng sự khác biệt giới tính. “Vì mục tiêu không phải là thay đổi điều này hay điều kia trong một chân trời đã được xác định là văn hóa nhân loại. Vấn đề là thay đổi chính chân trời - hiểu rằng cách giải thích của chúng ta về danh tính con người là sai lầm cả về mặt lý thuyết và thực tế” (Irigaray, 1996: 20).

Để xây dựng một quan điểm mới về không gian nữ quyền trong kiến trúc,

Irigaray (1996: 57) đề nghị quay trở lại nền tảng của văn hóa như một nỗ lực để khám phá lại những ý nghĩa thích hợp:

Ngay từ đầu triết học, là trọng tâm trung gian của mọi sự sáng tạo ra thế giới, thường bị hiểu sai trong nền văn hóa của chúng ta, vốn có xu hướng từ chối bàn luận về những điều kiện vật chất đối với sự tồn tại của chúng ta. [...] Dấu vết và phần còn lại của các yếu tố thường được đặt trong truyền thuyết thần thoại, chúng gập lại những câu chuyện như những bí ẩn về sinh khởi, tình yêu, chiến tranh và cái chết, những đam mê được truyền tải trong hình ảnh và hành động với tất cả sự ngây thơ của tri thức. Nhưng những đặc tính vẫn chưa được giải mã, chưa suy nghĩ thấu đáo, chưa giải thích, không phải là một “thất bại” mà là một giai đoạn trong tiến trình lịch sử.

Triết lý của Luce Irigaray yêu cầu xem xét lại sự khác biệt về giới tính. Làm thế nào để chúng ta có thể nhận ra sự khác biệt về giới tính và làm thế nào chúng ta có thể trau dồi và nâng tầm nó. Theo Irigaray, câu hỏi về sự chung sống của con người cũng có thể hướng đến một cách tiếp cận mới đối với cộng đồng. Trong bài *Cách chung sống lâu dài cùng nhau*, Irigaray (2004: 126) đề nghị: Thay vì thiết kế ngôi nhà tập trung xung quanh phòng ăn, phòng khách và phòng ngủ, nơi cung cấp các không gian trần tục với các chức năng đơn thuần và không phân biệt, vốn điều này thường đồng hóa gia đình thành một khối thống nhất,

đánh mất bản sắc cá nhân, tại sao không xây dựng ngôi nhà xuất phát trên cơ sở hướng đến phục vụ cụ thể cho mỗi người? Tại sao bắt đầu không xây dựng lại nó từ hai căn hộ nhỏ một phòng, sẽ thay thế phòng ăn, phòng khách và phòng ngủ chung? Mô hình không gian này sẽ không phù hợp hơn với yêu cầu ngày nay [...] hay cho đặc điểm riêng biệt của từng cá nhân cũng như nền tảng và sự tái tạo cộng đồng sao?: cộng đồng của một cặp vợ chồng hoặc một gia đình, giữa những người khác.

Như vậy trên cơ sở phê phán nền văn hóa truyền thống thủ tiêu mong muốn của phụ nữ về không gian sống, Luce Irigaray đã cung cấp một cơ sở sâu sắc hơn để từ đó khám phá lại và tiếp cận lại tư tưởng về một không gian kiến trúc nữ quyền: [...] Tất nhiên các không gian được tạo ra bởi sự khác biệt mà không thể hình dung trực tiếp và cụ thể trong một ngôi nhà vì chúng không thể được đặc trưng hóa. Tuy nhiên, chúng có thể được khơi dậy và phát triển bằng cách duy trì và đánh thức sự khác biệt trong cách sống cũng như định hình lối sống. Những không gian này cho phép nhu cầu cũng như ước muốn được lưu giữ và tồn tại, để chúng ta có thể sống với nhau một cách lâu dài (Irigaray, 2004: 132).

Triết lý của Irigaray đặt ra những câu hỏi xung quanh chủ nghĩa nữ quyền trong kiến trúc, nó yêu cầu nghiên cứu đến sự khác biệt về giới tính. Câu hỏi về sự chung sống của con người khác giới cũng có thể tìm ra một cách tiếp

cận mới đối với cộng đồng. Peg Rawes (2007: 1) nhận xét: “Ý tưởng của Irigaray có giá trị đối với các kiến trúc sư vì cô ấy xem xét cách trải nghiệm về giới tính và tính chủ quan của chúng ta về văn hóa và kiến trúc phương Tây”.

5. KẾT LUẬN

Triết học nữ quyền của Luce Irigaray giải quyết nhiều vấn đề mà người phụ nữ cần được thỏa mãn, đặc biệt là không gian sinh sống của phụ nữ. Sự thừa nhận tính chủ quan của phái nữ hay sự khác biệt về giới tính của cả hai chủ thể có ý nghĩa đối với kiến trúc về mặt xây dựng và không gian ở, hướng tới một nền văn hóa có ý nghĩa của hai đối tượng giới tính. Cụ thể hơn, câu hỏi mà tư tưởng triết học nữ quyền của Luce Irigaray đặt ra cho kiến trúc là, làm thế nào chúng ta có thể đáp ứng và bắt đầu các phương thức sống trong đó thừa nhận sự khác biệt về giới tính.

Quan điểm của Irigaray về không gian nhà ở nữ quyền cho thấy có những lối

sống chung chưa được các nền văn hóa đương đại giải quyết nhưng chúng có ý nghĩa trong việc mở rộng và duy trì câu hỏi về sự khác biệt, đặc biệt là trong lý thuyết thiết kế kiến trúc. Những nỗ lực để xác định lại chủ nghĩa nữ quyền trong kiến trúc, tìm cách vượt qua ranh giới của các lợi ích truyền thống bởi Irigaray mở ra cánh cửa cho sự thay đổi nhận thức nhân loại hướng đến sự bình đẳng giới trong lĩnh vực thiết kế và thực hành kiến trúc đương đại. Ở một khía cạnh nhất định, giá trị triết lý của Luce Irigaray đã vượt qua sự khác biệt truyền thống giữa chủ nghĩa nữ quyền và lý thuyết giới trong kiến trúc, lý thuyết chủ nghĩa hiện đại và lý thuyết hậu hiện đại, hoặc các vấn đề về quyền phụ nữ và vấn đề khác biệt giới rộng hơn. Đó là một sự khởi đầu tạo động lực cho một chủ đề mang tính chính trị toàn cầu: giải phóng phụ nữ, bao gồm cả tôn trọng sự khác biệt giới tính, để có thể kiến tạo cho phụ nữ không gian ở một cách phù hợp và tiện nghi nhất. □

CHÚ THÍCH

(1) Luce Irigaray - người Pháp gốc Bỉ sinh ngày 3/5/1930, là một nhà nữ quyền, nhà triết học, nhà ngôn ngữ học, nhà tâm lý học, nhà phân tâm học và nhà lý luận văn hóa.

(2) Ngôi nhà Rietveld Schröder ở Utrecht (Prins Hendriklaan 50) được kiến trúc sư Gerrit Rietveld (người Hà Lan) thiết kế và xây dựng vào năm 1924. Đây là ngôi nhà do góa phụ Truus Schröder-Schröder đặt hàng. Bà yêu cầu một không gian linh hoạt, một ngôi nhà không có sự liên kết và có thể tạo ra sự kết nối giữa bên trong và bên ngoài; là nơi các thành viên gắn bó chặt chẽ và cởi mở với nhau trong đời sống tình cảm Rietveld Schröder trở thành biểu tượng của kiến trúc hiện đại, theo các nguyên tắc của phong trào nghệ thuật De Stijl, và được UNESCO công nhận di sản văn hóa vào năm 2000.

(3) E-1027 do Eileen Grey cùng người yêu của cô - kiến trúc sư Jean Badovici xây dựng từ năm 1926 đến năm 1929. Tên của biệt thự bắt nguồn từ chữ cái đầu của họ: “E” cho Eileen,

“10” đại diện cho chữ J cho Jean, “2” đại diện cho chữ B cho Badovici, và “7” đại diện cho chữ G của Grey. E-1027 là dinh thự nghỉ dưỡng trên một vách đá ở Riviera (Pháp).

⁽⁴⁾ Villa Stein de-Monzie ở Garches (Pháp) được Le Corbusier thiết kế từ năm 1926 đến năm 1928. Tòa nhà còn được gọi là Les Terrasses, hoặc Villa Stein và Monzie, theo tên của các nhà đầu tư, Michael Stein và vợ là Sarah, một nhà công nghiệp người Mỹ, và Gabrielle de Monzie. Biệt thự này dành cho hai gia đình, được xây bằng bê tông cốt thép có bậc thang. Ngoài phòng ngủ, tất cả các phòng đều được hai gia đình sử dụng chung do đó không gian rất linh hoạt. Công trình này được xem là “tuyên ngôn” về 5 điểm kiến trúc mới của Le Corbusier đó là: 1) cột đỡ các tấm bê tông; 2) vườn trên mái; 3) thiết kế mở; 4) cửa sổ dài bằng; 5) mặt tiền tự do, giảm bớt các chức năng cấu trúc.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Colomina, Beatriz. 1996. *Sexuality & Space*. New York: Princeton Architectural Press.
2. Danze, Elizabeth and Coleman, Debra. 1997. *Architecture and Feminism*. New York: Princeton Architectural Press.
3. Grosz, Elizabeth. 1995. *Space, Time, and Perversion: Essays on the Politics of Bodies*. London: Routledge.
4. Haqsaleh, Afied Dien and Ashadi. 2021. “Study of Feminism Architecture Concept in Museum Building: The Aceh Tsunami Museum in Indonesia”. *Journal of Development and Integrated Engineering*. Vol 1, No. 1.
5. Hayden, Dolores. 1981. *The Grand Domestic Revolution: A History of Feminist Designs for American Homes, Neighborhoods, and Cities*. Cambridge: MIT Press.
6. Heidegger, Martin. 1995. *The Fundamental Concepts of Metaphysics World, Finitude, Solitude*. USA: Indiana University Press.
7. Heidegger, Martin. 2001. *Poetry, Language, Thought*. New York: Harper Perennial Modern Classics.
8. Heynen, Hilde and Bayda, Gülsüm. 2005. *Negotiating Domesticity Spatial Productions of Gender in Modern Architecture*. USA: Routledge.
9. Irigaray, Luce. 1985a. *This Sex Which Is Not One*. USA: Cornell University.
10. Irigaray, Luce. 1985b. *Speculum of the Other Woman*. New York: Cornell University Press.
11. Irigaray, Luce. 1993a. *Sexes and Genealogies*. New York: Columbia University Press.
12. Irigaray, Luce. 1993b. *An Ethics of Sexual Difference*. New York: Cornell University Press.
13. Irigaray, Luce. 1996. *I Love To You. Sketch for a Felicity Within History*. New York: Routledge.
14. Irigaray, Luce. 2000. *Why Different? A Culture of Two Subjects*. New York: Semiotext.
15. Irigaray, Luce. 2002. *The Way of Love*. London and New York: Continuum.

16. Irigaray, Luce. 2004. *Key Writings*. London and New York: Continuum.
17. Irigaray, Luce. 1980. "When Our Lips Speak Together". *Women: Sex and Sexuality*. Vol. 6, No. 1.
18. Morris, Bethany. 2020. *Sexual Difference, Abjection and Liminal Spaces: A Psychoanalytic Approach to the Abhorrence of the Feminine*. USA: Routledge.
19. Rawes, Peg. 2007. *Irigaray for Architects*. New York: Routledge.
20. Rothschild, Joan. 1999. *Design and Feminism: Re-Visioning Spaces, Places, and Everyday Things*. USA: Rutgers University Press.
21. Rüedi, Katerina; Wigglesworth, Sarah and McCorquodale, Duncan (edited). 1996. *Desiring Practices: Architecture, Gender, and the Interdisciplinary*. London: Black Dog Pub.
22. Weisman, Kanes. 1992. *Discrimination by Design: A Feminist Critique of the Man-made Environment*. Urbana: University of Illinois Press.
23. Borden, Iain; Penner, Barbara and Rendell, Jane. 2000. *Gender Space Architecture: An Interdisciplinary Introduction*. New York: Routledge.